

Số: 1027/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Quản trị kinh doanh

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 918/QĐ-BKHĐT ngày 19/05/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐHVCSPT ngày 02/11/2021 của Hội đồng Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 509/QĐ-HVCSPT ngày 06/07/2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo tại Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ đề xuất của khoa Quản trị kinh doanh và Biên bản thông qua các chương trình đào tạo cập nhật năm 2023 của Hội đồng khoa học và đào tạo Học viện.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh áp dụng từ Khóa 14 tuyển sinh năm 2023. (Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Quản trị kinh doanh, Người đứng đầu các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám đốc Học viện (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Học viện;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỐC

PGS,TS. Trần Trọng Nguyên

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1027/QĐ-HVCSPT ngày 25 tháng 08 năm 2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

NGÀNH ĐÀO TẠO:	QUẢN TRỊ KINH DOANH
MÃ SỐ:	7340101
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH:	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp thuộc ngành Quản trị kinh doanh nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lãnh đạo, quản trị, điều hành và khởi sự các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc và phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a. Về kiến thức

MT1: Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, quản trị và vận dụng được vào các hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp; thích ứng với sự thay đổi và phát triển của nền kinh tế.

MT2: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng được những kiến thức chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp, quản trị kinh doanh để tổ chức điều hành, triển khai các hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp và có khả năng tự khởi sự và kinh doanh truyền thống và kinh doanh đa nền tảng.

b. Về kỹ năng

MT3: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng thực hiện thành thạo các kỹ năng chuyên môn để giải quyết các vấn đề trong phạm vi nghề nghiệp liên quan tới hoạt động quản trị và kinh doanh trong các tổ chức

MT4: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng thành thạo các kỹ năng mềm nhằm hỗ trợ các hoạt động nghề nghiệp từ đó nâng cao khả năng thích nghi, hòa nhập với môi trường đa ngành, đa văn hóa phát huy tối đa năng lực cá nhân.

c. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Đào tạo sinh viên có tác phong chuyên nghiệp, có khả năng tự chủ trong công việc và có trách nhiệm thực hiện tốt công việc chuyên môn một cách sáng tạo; có bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm đối với xã hội.

1.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học

- Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ và vị trí việc làm sau khi ra trường

*** Khả năng học tập, nâng cao trình độ**

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu sâu hơn ở bậc cao học hoặc tiến sĩ để trở thành nhà nghiên cứu và giảng viên về lĩnh vực quản trị kinh doanh, quản trị doanh nghiệp tại các cơ quan/tổ chức trong và ngoài nước có liên quan.

*** Vị trí việc làm có thể đảm nhận sau ra khi ra trường**

Người học sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp có thể làm việc ở các lĩnh vực, chức năng thuộc các loại hình doanh nghiệp, tổ chức.

Nhóm 1: Nhân viên, chuyên viên tại các bộ phận chức năng chuyên môn: Có khả năng thích ứng trong môi trường công việc có tính cạnh tranh cao, có đủ năng lực làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, tổ chức khác trong và ngoài nước; triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng các phòng/ban, giám đốc bộ phận và dự án, giám đốc, tổng giám đốc.

- Nhân viên kinh doanh lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ, logistic, truyền thông, ...
- Nhân viên marketing, truyền thông đa kênh,...

- Nhân viên quản trị, phát triển nguồn nhân lực thuộc mọi loại hình doanh nghiệp
- Nhân viên nghiên cứu thị trường trong nước và quốc tế
- Nhân viên thẩm định dự án
- Nhân viên quản lý tài chính
- Nhân viên chăm sóc khách hàng,...

Nhóm 2: Doanh nhân khởi sự kinh doanh: Có khả năng khởi nghiệp, tạo lập và quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh truyền thống và đa nền tảng.

2. Chuẩn đầu ra

A/ Chuẩn về kiến thức

A.1. CĐR kiến thức chung

1. **CĐR 1:** Vận dụng được phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác-Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn một cách logic và tích cực.

2. **CĐR 2:** Hiểu về thể chế Nhà nước; quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội;

3. **CĐR 3:** Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công nghệ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

4. **CĐR 4:** Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế, khoa học quản lý và pháp luật kinh doanh vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

A.2. CĐR kiến thức ngành

5. **CĐR 5:** Nắm vững kiến thức từ đó mô tả được hệ thống quản trị của doanh nghiệp, tổ chức theo quy trình, theo lĩnh vực và chức năng.

6. **CĐR 6:** Vận dụng được các kiến thức về quản trị, quản lý vào việc ra quyết định và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn của doanh nghiệp, tổ chức.

A.3. CĐR kiến thức chuyên ngành

7. **CĐR 7:** Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực quản trị của nhà quản trị các cấp để thực thi hoạt động kinh doanh như kiến thức về khởi sự và phát triển kinh doanh, đổi mới sáng tạo, đánh giá kết quả kinh doanh, kinh doanh bền vững,...

8. **CĐR 8:** Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về các hoạt động tác nghiệp theo lĩnh vực trong quản trị doanh nghiệp vào phân tích và thực thi được các

quyết định trong quản trị doanh nghiệp như quyết định về nhân lực, marketing, chiến lược truyền thông, bán hàng...

9. **CDR 9:** Vận dụng được các kiến thức của quản trị vào nhận diện được cơ hội kinh doanh, hình thành ý tưởng kinh doanh sáng tạo, tạo lập kế hoạch kinh doanh và dự án khởi nghiệp, thực hiện được các nghiên cứu mang tính thực tiễn trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp.

B/ Chuẩn về kỹ năng

10. **CDR 10:** Phát triển được các mô hình kinh doanh, đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp, tổ chức; Xây dựng và triển khai được các kế hoạch tác nghiệp cơ bản cho doanh nghiệp, tổ chức trong bối cảnh môi trường biến động.

11. **CDR 11:** Thao tác thành thạo các công cụ kinh doanh online; công cụ thu thập và phân tích dữ liệu từ khách hàng, đối thủ cạnh tranh, các đối tác liên quan để giải quyết các vấn đề kinh doanh.

12. **CDR 12:** Phối hợp và triển khai các kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin thị trường và môi trường kinh doanh để phát hiện, đánh giá và lựa chọn các phương án và ra quyết định quản trị

13. **CDR 13:** Phối hợp, phát triển và triển khai hiệu quả các kỹ năng mềm bao gồm kỹ năng sáng tạo, tư duy phản biện, trao quyền và ủy quyền, giao tiếp, quản lý thời gian, giải quyết vấn đề và ra quyết định, làm việc nhóm, thuyết trình... nhằm giải quyết vấn đề, hợp tác và kết nối doanh nghiệp với cộng đồng, xã hội

14. **CDR 14:** Phát triển được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh và sử dụng tin học... để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

C/ Chuẩn về năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp

15. **CDR 15:** Thể hiện sự hiểu biết và tuân thủ pháp luật, các quy tắc đạo đức và có khả năng vận dụng linh hoạt trong cuộc sống cũng như trong công việc; thể hiện năng lực dẫn dắt về chuyên môn thuộc lĩnh vực chuyên sâu của quản trị, điều hành trong doanh nghiệp; tuân thủ các quy định của tổ chức và kỷ luật lao động; có sức khỏe, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp

3. Ma trận 1: Ma trận liên kết giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT

CĐR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT				
	<i>MT1</i>	<i>MT2</i>	<i>MT3</i>	<i>MT4</i>	<i>MT5</i>
<i>CĐR 1</i>	X				
<i>CĐR 2</i>	X	X			X
<i>CĐR 3</i>	X				
<i>CĐR 4</i>	X	X			X
<i>CĐR 5</i>	X	X			
<i>CĐR 6</i>	X	X			
<i>CĐR 7</i>		X			
<i>CĐR 8</i>		X			
<i>CĐR 9</i>		X			
<i>CĐR 10</i>		X	X	X	
<i>CĐR 11</i>		X	X	X	
<i>CĐR 12</i>		X	X	X	
<i>CĐR 13</i>			X	X	
<i>CĐR 14</i>			X	X	
<i>CĐR 15</i>					X

4. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA															
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1. Kiến thức giáo dục đại cương			41																
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	3													x		x
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	3													x		x
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3			3											x		x
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3			3											x		x
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		2												x		x
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			3											x		x
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3		3												x		x
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			3											x		x
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3														x	x	x
10	QTKN01	Phát triển Kỹ năng*	3														x		x
11	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3														x	x	x
12	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3														x	x	x
13	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3														x	x	x
14	TOĐC06	Tin học đại cương	3			3											x	x	x
15	TOCC05	Toán cao cấp	3			3											x		x
16	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	3													x		x
17	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2												x		x
2. Giáo dục quốc phòng			8																
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8																x
3. Giáo dục thể chất			6																
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2																x
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2																x
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2																x

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA															
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
4	Kiến thức Cơ sở ngành (Bắt buộc)		20																
1	QTMC02	Marketing căn bản	3					3	3							x	x		x
2	TOKT05	Kinh tế lượng	3			2	2										x	x	x
3	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3				3	2									x		x
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3				3										x	x	x
5	QTHO06	Quản trị học	2					3	3							x	x	x	x
6	CSCS11	Chính sách công	3		3		2										x		x
7	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3			3	3										x	x	x
5	Kiến thức Cơ sở ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9																
1	TCTH11	Thuế	3				2										x	x	x
2	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	3				2		2								x		x
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3				2	2									x		x
4	QTTL01	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3				3	2	3							x	x		x
5	QHĐL07	Địa lý kinh tế	3				2										x		x
6	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3				3		3								x	x	x
6	Kiến thức ngành (Bắt buộc)		17																
1	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3				2	3	3	4		5	x	x	x	x			x
2	QTMA09	Quản trị Marketing	3					2	4		3	3	x	x	x	x			x
3	QTCL01	Quản trị chiến lược	3					2	3	4	3	4	x	x	x	x			x
4	QTNL03	Quản trị nhân lực	3					2	4		3		x		x	x			x
5	QTSM01	Quản trị dịch vụ	3				2	2	3	4	3	3	x	x	x	x			x
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2					3	4	4		2	x	x	x	x	x	x	x
7	Kiến thức ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9																
1	QTCB01	Hành vi người tiêu dùng	3					2	3	4	3				x	x	x		x
2	QTTH01	Quản trị thương hiệu	3					3	4	4		5			x	x	x		x

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA														
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3				2	2		4						x		x
4	QTKD14	Thương mại điện tử	3				2	2		3		3				x		x
5	TMQT11	Logistic cơ bản	3				2	2	3		3	2				x		x
6	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	3					2	3	4		2				x		x
8	Kiến thức Chuyên ngành (Bắt buộc)		15															
1	QTBA01	Phân tích kinh doanh	3					2		3	5	5			x	x		x
2	QTBH01	Quản trị bán hàng	3						3	3	4	4	x		x	x		x
3	QTD01	Digital Marketing	3					3		3	5	5		x	x	x		x
4	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện	3					3		4	4	5	x	x	x	x		x
5	QTCC01	Quan hệ công chúng	3						3		3	4	x	x	x	x		x
9	Kiến thức Chuyên ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9															
1	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3				2			2	3	3			x	x		x
2	TCTH11	Thuế	3				2		2		3					x		x
3	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	3			3	2			3	4	5	x	x	x	x		x
4	QTMS01	Marketing dịch vụ	3					3	3		4	5	x	x	x	x		x
5	ĐNMA05	Marketing quốc tế	3				2			3	4		x	x	x	x		x
10	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		10															
1	TTTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4			2	2	2	2	4	4	4	x			x	x	x
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6			3	3	2	3	4	4	5	x	x	x	x	x	x
3	QTTN01	Quản trị chiến lược 2	3						3	4	5			x	x	x	x	x
4	QTTN05	Quản trị thương hiệu 2	3						3	4		5		x	x	x	x	x
TỔNG SỐ			130															

Ghi chú: Các mức độ của thang Bloom: (1) Nhớ (2) Hiểu (3) Vận dụng (4) Phân tích (5) Đánh giá (6) Sáng tạo
 (*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.

5. Thời gian đào tạo: 3,5 – 4 năm

6. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa là 130 tín chỉ, không kể 14 tín chỉ học phần giáo dục quốc phòng và thể chất, 3 tín chỉ TACB1, Kỹ năng mềm.

7. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy.

8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo và Quy chế đào tạo đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định của Học viện Chính sách và Phát triển.

9. Thang điểm

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện.

10. Cấu trúc kiến thức của Chương trình đào tạo

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC & GDQP, phát triển kỹ năng)	41	16	31,5
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	89		68,5
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	29	10	22,3
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	20	7	15,4
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	9	3	6,9
2.2. Kiến thức ngành	26	9	20,0
2.2.1. Ngành bắt buộc	17	6	13,1
2.2.2. Ngành tự chọn	9	3	6,9
2.3. Kiến thức chuyên ngành	24	8	18,5
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	15	5	11,6
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	9	3	6,9
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	2-3	7,7
TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130		100

11. Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
1. Kiến thức giáo dục đại cương			41	
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	1
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	2
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	5
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
10	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3	
11	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
12	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
13	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
14	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
15	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
16	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
17	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
2	Giáo dục quốc phòng		8	
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	2
3	Giáo dục thể chất		6	
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2	1
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2	2
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	3
4	Kiến thức Cơ sở ngành (Bắt buộc)		20	
1	QTMC02	Marketing căn bản	3	2
2	TOKT05	Kinh tế lượng	3	3
3	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	3
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
5	QTHO06	Quản trị học	2	2
6	CSCS11	Chính sách công	3	4
7	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	4
5	Kiến thức Cơ sở ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9	
1	TCTH11	Thuế	3	5
2	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	3	4
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	4
4	QTTL01	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3	4
5	QHĐL07	Địa lý kinh tế	3	4
6	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	6
6	Kiến thức ngành (Bắt buộc)		17	
1	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	5

2	QTMA09	Quản trị marketing	3	5
3	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	5
4	QTNL03	Quản trị nhân lực	3	5
5	QTSM01	Quản trị dịch vụ	3	6
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	5
7	Kiến thức ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9	
1	QTCB01	Hành vi người tiêu dùng	3	6
2	QTTH01	Quản trị thương hiệu	3	5
3	TCCCK25	Thị trường chứng khoán	3	5
4	QTKD14	Thương mại điện tử	3	5
5	TMQT11	Logistic cơ bản	3	5
6	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	3	7
8	Kiến thức Chuyên ngành (Bắt buộc)		15	
1	QTBA01	Phân tích kinh doanh	3	6
2	QTBH01	Quản trị bán hàng	3	7
3	QTDM01	Digital Marketing	3	4
4	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện	3	5
5	QTCC01	Quan hệ công chúng	3	6
9	Kiến thức Chuyên ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9	
1	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3	7
2	TCTH11	Thuế	3	5
3	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	3	5
4	QTMS01	Marketing dịch vụ	3	7
5	ĐNMA05	Marketing quốc tế	3	6
10	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		10	
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
3	QTTN01	Quản trị chiến lược 2	3	8
4	QTTN05	Quản trị thương hiệu 2	3	8
TỔNG SỐ			130	

Ghi chú: () Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo*

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1027/QĐ-HVCSPT ngày 25 tháng 08 năm 2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

NGÀNH ĐÀO TẠO:	QUẢN TRỊ KINH DOANH
MÃ SỐ:	7340101
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH:	QUẢN TRỊ KINH DOANH DU LỊCH

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch thuộc ngành Quản trị kinh doanh nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị kinh doanh dịch vụ du lịch trong bối cảnh mới của Việt Nam và thế giới; phát triển kỹ năng mềm, có tư duy đổi mới sáng tạo, có khả năng nghiên cứu độc lập; có năng lực tự nghiên cứu đáp ứng theo yêu cầu của công việc và có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a. Về kiến thức

MT1: Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị; từ đó vận dụng được vào quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, tổ chức; thích ứng với sự thay đổi và phát triển của nền kinh tế.

MT2: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng được những kiến thức chuyên sâu về quản trị, quản trị kinh doanh du lịch để tổ chức triển khai các hoạt động quản trị kinh doanh du lịch truyền thống và trên nền tảng số.

b. Về kỹ năng

MT3: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng thực hiện thành thạo các kỹ năng chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, để giải quyết các vấn đề trong phạm vi nghề nghiệp liên quan tới hoạt động quản trị và kinh doanh trong tổ chức quản lý và kinh doanh dịch vụ du lịch.

MT4: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng thành thạo các kỹ năng mềm nhằm hỗ trợ các hoạt động nghề nghiệp từ đó nâng cao khả năng thích nghi, hòa nhập với môi trường đa ngành, đa văn hóa phát huy tối đa năng lực cá nhân.

c. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Đào tạo sinh viên có tác phong chuyên nghiệp, có khả năng tự chủ trong công việc và có trách nhiệm thực hiện tốt công việc chuyên môn một cách sáng tạo; có bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm đối với xã hội.

1.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học

- Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ và vị trí việc làm sau khi ra trường

*** Khả năng học tập, nâng cao trình độ**

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu sâu hơn ở bậc cao học hoặc tiến sĩ để trở thành nhà nghiên cứu và giảng viên về lĩnh vực quản trị kinh doanh, quản trị kinh doanh du lịch tại các cơ quan/tổ chức trong và ngoài nước có liên quan.

*** Vị trí việc làm có thể đảm nhận sau ra trường**

Người học sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch có thể làm việc, khởi nghiệp ở các lĩnh vực, chức năng thuộc các loại hình doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực du lịch như công ty lữ hành, nhà hàng, khách sạn, resort, cơ sở lưu trú và công ty tổ chức sự kiện.

- Nhân viên kinh doanh, marketing, tiếp thị và bán sản phẩm, chăm sóc khách hàng, quản trị tổ chức sự kiện, MICE tại các cơ sở kinh doanh du lịch trong và ngoài nước
- Quản lý dịch vụ du lịch chuyên nghiệp như hướng dẫn viên du lịch, nhân viên thiết kế và phát triển sản phẩm lữ hành, điều hành thực hiện chương trình du lịch
- Chuyên viên tư vấn du lịch trách nhiệm, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái,...

- Định hướng khởi nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch, như: Kinh doanh lưu trú du lịch; Kinh doanh ăn uống; Kinh doanh vận chuyển du lịch; Kinh doanh dịch vụ bổ sung, chẳng hạn hoạt động vui chơi, giải trí, triển lãm, hỗ trợ đăng ký visa, vé máy bay và các dịch vụ hỗ trợ trong thời gian khách lưu trú khác...
- Chuyên viên tại các cơ quan nghiên cứu, quản lý du lịch tại các địa phương, sở, ban ngành phụ trách về du lịch

2. Chuẩn đầu ra

A/ Chuẩn về kiến thức

A.1. CDR kiến thức chung

1. **CDR 1:** Vận dụng phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác-Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn một cách logic và tích cực.

2. **CDR 2:** Hiểu về thể chế Nhà nước; quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội;

3. **CDR 3:** Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công nghệ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

4. **CDR 4:** Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế, khoa học quản lý và pháp luật kinh doanh vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

A.2. CDR kiến thức ngành

5. **CDR 5:** Nắm vững kiến thức từ đó mô tả được hệ thống quản trị của doanh nghiệp, tổ chức theo quy trình, theo lĩnh vực và chức năng.

6. **CDR 6:** Vận dụng được các kiến thức về quản trị, quản lý vào việc ra quyết định và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn của doanh nghiệp, tổ chức.

A.3. CDR kiến thức chuyên ngành

7. **CDR 7:** Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về tổ chức, quản lý, điều hành và kinh doanh du lịch vào giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn thuộc lĩnh vực du lịch và kinh doanh du lịch.

8. **CDR 8:** Vận dụng được các kiến thức về tổ chức, quản lý và hoạt động ngành du lịch như các kiến thức về quản trị điểm đến du lịch, quản lý và phát triển các loại hình du lịch, quản trị điều hành chương trình du lịch, quản trị MICE,... vào giải

quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh du lịch.

9. **CDR 9:** Vận dụng được các kiến thức về các hoạt động tác nghiệp và các chức năng tổ chức hoạt động quản trị để vận hành và quản lý các bộ phận trong tổ chức, doanh nghiệp trong ngành du lịch.

B/ Chuẩn về kỹ năng

10. **CDR 10:** Phát triển được các mô hình kinh doanh, đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp kinh doanh du lịch; Triển khai và điều hành các công việc trong các lĩnh vực tổ chức cung ứng dịch vụ, các hoạt động chức năng như tài chính, nhân sự, marketing của các doanh nghiệp dịch vụ, đặc biệt là du lịch.

11. **CDR 11:** Thành thạo thu thập, xử lý, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin trong lập kế hoạch, quản lý các hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực du lịch và kinh doanh du lịch như hoạt động dịch vụ tại điểm đến, các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch

12. **CDR 12:** Phối hợp và triển khai các hoạt động nghiệp vụ tác nghiệp của các bộ phận chức năng trong các doanh nghiệp du lịch điển hình như khách sạn, nhà hàng, lữ hành, hướng dẫn viên...

13. **CDR 13:** Phối hợp, phát triển và triển khai hiệu quả các kỹ năng mềm bao gồm kỹ năng sáng tạo, tư duy phản biện, trao quyền và ủy quyền, giao tiếp, quản lý thời gian, giải quyết vấn đề và ra quyết định, làm việc nhóm, thuyết trình... nhằm giải quyết vấn đề, hợp tác và kết nối doanh nghiệp với cộng đồng, xã hội

14. **CDR 14:** Phát triển được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh và sử dụng tin học... để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

C/ Chuẩn về năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp

15. **CDR 15:** Thể hiện sự hiểu biết và tuân thủ pháp luật, các quy tắc đạo đức và có khả năng vận dụng linh hoạt trong cuộc sống cũng như trong công việc; thể hiện năng lực dẫn dắt về chuyên môn thuộc lĩnh vực chuyên sâu của quản trị, điều hành trong doanh nghiệp; tuân thủ các quy định của tổ chức và kỷ luật lao động; có sức khỏe, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp.

3. Ma trận liên kết giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT

CĐR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT				
	<i>MT1</i>	<i>MT2</i>	<i>MT3</i>	<i>MT4</i>	<i>MT5</i>
<i>CĐR 1</i>	X				
<i>CĐR 2</i>	X	X			X
<i>CĐR 3</i>	X				
<i>CĐR 4</i>	X	X			X
<i>CĐR 5</i>	X	X			
<i>CĐR 6</i>	X	X			
<i>CĐR 7</i>		X			
<i>CĐR 8</i>		X			
<i>CĐR 9</i>		X			
<i>CĐR 10</i>		X	X	X	
<i>CĐR 11</i>		X	X	X	
<i>CĐR 12</i>		X	X	X	
<i>CĐR 13</i>			X	X	
<i>CĐR 14</i>			X	X	
<i>CĐR 15</i>					X

4. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA															
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1. Kiến thức giáo dục đại cương			41																
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	3													x	x	
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	3													x	x	
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3			3											x	x	
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3			3											x	x	
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		2												x	x	
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			3											x	x	
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3		3												x	x	
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			3											x	x	
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3														x	x	
10	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3														x	x	
11	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3														x	x	
12	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3														x	x	
13	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3														x	x	
14	TOĐC06	Tin học đại cương	3			3											x	x	
15	TOCC05	Toán cao cấp	3			3											x	x	
16	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	3													x	x	
17	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2												x	x	
2. Giáo dục quốc phòng			8																
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8																x
3. Giáo dục thể chất			6																
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2																x
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2																x
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2																x
4. Kiến thức Cơ sở ngành (Bắt buộc)			20																
1	QTMC02	Marketing căn bản	3						3	3						x	x		x
2	TOKT05	Kinh tế lượng	3				2	2									x	x	x
3	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3					3	2								x		x
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3					3									x	x	x
5	QTHO06	Quản trị học	2						3	3						x	x	x	x

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA														
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
6	CSCS11	Chính sách công	3		3		2									x		x
7	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3			3	3									x	x	x
5	Kiến thức Cơ sở ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9															
1	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	3				2									x	x	x
2	QTDG01	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3				2	2								x		x
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3				2	2								x		x
4	QTTL01	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3				3	2	3						x	x		x
5	QHĐL07	Địa lý du lịch Việt Nam	3				2									x		x
6	QTDG02	Lịch sử văn minh thế giới	3				2		3							x	x	x
6	Kiến thức ngành (Bắt buộc)		17															
1	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3				2	3	3	4		5	x	x	x	x		x
2	QTMA09	Quản trị Marketing	3					2	4		3	3	x	x	x	x		x
3	QTCL01	Quản trị chiến lược	3					2	3	4	3	4	x	x	x	x		x
4	QTNL03	Quản trị nhân lực	3					2	4		3		x		x	x		x
5	QTSM01	Quản trị dịch vụ	3				2	2	3	4	3	3	x	x	x	x		x
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2					3	4	4		2	x	x	x	x	x	x
7	Kiến thức ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9															
1	QTTQ01	Tổng quan du lịch	3				2			3	3			x	x	x		x
2	QTTT01	Quản trị thương hiệu	3					3	4	4		5		x	x	x		x
3	QTBH01	Quản trị bán hàng	3				2	2	3	4						x		x
4	QTKD14	Hành vi người tiêu dùng	3				2			3		3				x		x
5	QTMD01	Marketing du lịch	3					2	3		3	2				x		x
6	QTTT02	Kinh doanh du lịch trực tuyến	3					2	3	4		2				x		x
8	Kiến thức Chuyên ngành (Bắt buộc)		15															
1	QTLH01	Quản trị kinh doanh lễ hành	3					3		4	5	5			x	x		x
2	QTLT01	Quản trị kinh doanh lưu trú	3						3	3		4	x		x	x		x
3	QTNH01	Quản trị kinh doanh nhà hàng	3					3		3		4		x	x	x		x
4	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện	3					3		4	4	5	x		x	x		x
5	QTDD01	Quản trị điểm đến	3						3		3	4	x	x	x	x		x
9	Kiến thức Chuyên ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9															
1	QTKS01	Tổ chức nghiệp vụ khách sạn	3					2		3	3	5		x	x	x		x

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA														
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	QTTA01	Tiếng Anh du lịch	3				2		2		3	4				x	x	x
3	QTĐH01	Quản trị điều hành chương trình du lịch	3			3	2			4	4	5		x	x	x		x
4	QTHD11	Quản trị nghiệp vụ hướng dẫn	3					3	3	4	4	5		x	x	x		x
5	QTBV01	Phát triển du lịch bền vững	3				2			3	3			x	x	x		x
10	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		10															
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4			2	2	2	2	4	4	4	x			x	x	x
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6			3	3	2	3	4	4	5	x	x	x	x	x	x
3	QTTN01	Quản trị chiến lược 2	3						3	4	5			x	x	x	x	x
4	QTTN05	Một số vấn đề đương đại về du lịch	3						3	4		5		x	x	x	x	x
TỔNG SỐ			130															

Ghi chú: Các mức độ của thang Bloom: (1) Nhớ (2) Hiểu (3) Vận dụng (4) Phân tích (5) Đánh giá (6) Sáng tạo
 (*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

5. Thời gian đào tạo: 3,5 – 4 năm

6. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa là 130 tín chỉ, không kể 14 tín chỉ học phần giáo dục quốc phòng và thể chất, 3 tín chỉ TACB1, phát triển kỹ năng.

7. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy.

8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo và Quy chế đào tạo đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định của Học viện Chính sách và Phát triển.

9. Thang điểm

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện.

10. Cấu trúc kiến thức của Chương trình đào tạo

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC & GDQP, phát triển kỹ năng)	41	16	31,5
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	89		68,5
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	29	10	22,3
<i>2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc</i>	<i>20</i>	<i>7</i>	<i>15,4</i>
<i>2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn</i>	<i>9</i>	<i>3</i>	<i>6,9</i>
2.2. Kiến thức ngành	26	9	20,0
<i>2.2.1. Ngành bắt buộc</i>	<i>17</i>	<i>6</i>	<i>13,1</i>
<i>2.2.2. Ngành tự chọn</i>	<i>9</i>	<i>3</i>	<i>6,9</i>
2.3. Kiến thức chuyên ngành	24	8	18,5
<i>2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc</i>	<i>15</i>	<i>5</i>	<i>11,6</i>
<i>2.3.2. Chuyên ngành tự chọn</i>	<i>9</i>	<i>3</i>	<i>6,9</i>
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	2-3	7,7
TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130		100

11. Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
1. Kiến thức giáo dục đại cương			41	
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	1
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	2
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	5
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
10	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3	3
11	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
12	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
13	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
14	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
15	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
16	THML04	Triết học Mác – Lênin	3	1
17	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
2	Giáo dục quốc phòng		8	
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	2
3	Giáo dục thể chất		6	
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2	1
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2	2
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	3
4	Kiến thức Cơ sở ngành (Bắt buộc)		20	
1	CSCS11	Chính sách công	3	4
2	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	4
3	QTMC02	Marketing căn bản	3	3
4	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	3
5	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
6	QTHO06	Quản trị học	2	3
7	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	
5	Kiến thức Cơ sở ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9	
1	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	3	4
2	QTDG01	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	4
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	4
4	QTTL01	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3	4
5	QHĐL07	Địa lý du lịch Việt Nam	3	3
6	QTDG02	Lịch sử văn minh thế giới	3	4
6	Kiến thức ngành (Bắt buộc)		20	
1	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	5
2	QTMA09	Quản trị marketing	3	5
3	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	5
4	QTNL03	Quản trị nhân lực	3	5

5	QTSM01	Quản trị dịch vụ	3	6
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	5
7	Kiến thức ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9	
1	QTTQ01	Tổng quan du lịch	3	6
2	QTMD01	Marketing du lịch	3	5
3	QTBH01	Quản trị bán hàng	3	5
4	QTTH01	Quản trị thương hiệu	3	5
5	QTCB01	Hành vi người tiêu dùng	3	5
6	QTTT02	Kinh doanh du lịch trực tuyến	3	7
8	Kiến thức Chuyên ngành (Bắt buộc)		18	
1	QTLH01	Quản trị kinh doanh lưu hành	3	6
2	QTLT01	Quản trị kinh doanh lưu trú	3	6
3	QTNH01	Quản trị kinh doanh nhà hàng	3	6
4	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện	3	5
5	QTDD01	Quản trị điểm đến	3	5
9	Kiến thức Chuyên ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9	
1	QTKS01	Tổ chức nghiệp vụ khách sạn	3	7
2	QTTA01	Tiếng Anh du lịch	3	4
3	QTĐH01	Quản trị điều hành chương trình du lịch	3	7
4	QTHD11	Quản trị nghiệp vụ hướng dẫn	3	7
5	QTBV01	Phát triển du lịch bền vững	3	5
10	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		10	
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	QTTN01	Quản trị chiến lược 2	3	8
3	QTTN04	Một số vấn đề đương đại về du lịch	3	8
4	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
TỔNG SỐ			130	

Ghi chú: () Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.*

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1027/QĐ-HVCSPT ngày 25 tháng 08 năm 2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

NGÀNH ĐÀO TẠO:	QUẢN TRỊ KINH DOANH
MÃ SỐ:	7340101
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH:	QUẢN TRỊ MARKETING

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học chuyên ngành Quản trị marketing thuộc ngành Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị; có kiến thức chuyên sâu quản trị marketing trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có kỹ năng sử dụng thành thạo các công cụ và phần mềm marketing, truyền thông đa phương tiện; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a. Về kiến thức

MT1: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, nhân văn và kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh.

MT2: Cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về tổ chức, triển khai các hoạt động quản trị marketing và quản trị marketing trên nền tảng số.

b. Về kỹ năng

MT3: Đào tạo cho người học có năng lực quản trị các bộ phận và lĩnh vực khác nhau để giải quyết các vấn đề trong tổ chức. Có kỹ năng chuyên môn cần thiết, kỹ năng chuyên sâu về marketing, kỹ năng sử dụng thành thạo các công cụ và phần mềm thuộc lĩnh vực marketing nhằm giải quyết các vấn đề thuộc về chức năng marketing trong tổ chức.

MT4: Đào tạo cho người học có các kỹ năng mềm để phát triển bản thân từ đó nâng cao khả năng thích nghi với môi trường đa ngành, đa văn hóa.

c. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Phát triển khả năng tự chủ trong công việc và có tinh thần trách nhiệm, có sức khỏe, bản lĩnh chính trị và đạo đức, ý thức kỷ luật và tôn trọng pháp luật nhằm phục vụ tốt cho sự phát triển bền vững xã hội và cộng đồng.

1.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học

- Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ, vị trí việc làm sau khi ra trường

❖ Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tự hoạch định kế hoạch đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn như chương trình đào tạo sau đại học.

❖ Vị trí việc làm sau khi ra trường

Người học sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Quản trị Marketing có thể làm việc ở các công ty dịch vụ về marketing hay làm chuyên viên, quản trị marketing của các doanh nghiệp, tổ chức. Cử nhân Quản trị marketing cũng có thể làm việc tại:

- Các công ty dịch vụ về marketing (Agency): Thực hiện các công việc lập và thực thi kế hoạch quảng cáo như SEO, SEM, lập kế hoạch và thực thi sáng tạo nội dung số, lập và thực thi chiến lược marketing mạng xã hội, thực hiện kế hoạch marketing liên kết, thiết kế trải nghiệm người dùng, nghiên cứu hành vi, phân tích dữ liệu của người dùng trên nền tảng số.

- Các công ty/tổ chức về nghiên cứu thị trường: Đảm nhận các công việc nghiên cứu và phân tích thị trường, phân tích dữ liệu khách hàng.

- Các doanh nghiệp/ tổ chức sản xuất kinh doanh: Với các vị trí như phát triển sản phẩm, quản trị thương hiệu, xây dựng kênh phân phối, digital marketing, truyền thông marketing, tổ chức sự kiện, nhân viên kinh doanh, chăm sóc khách hàng.

- Tự lập nghiệp bằng việc khởi sự kinh doanh, tạo lập doanh nghiệp có liên quan đến lĩnh vực Marketing, Marketing số, quảng cáo, truyền thông Marketing.
- Lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu: Học bậc cao hơn để giảng dạy hoặc làm việc tại các trường đại học, viện nghiên cứu.

2. Chuẩn đầu ra

A/ Chuẩn về kiến thức

A.1. CDR chung của Học viện

1. **CDR 1:** Hiểu, vận dụng phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác-Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn một cách logic và tích cực.
2. **CDR 2:** Hiểu về thể chế Nhà nước; quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội;
3. **CDR 3:** Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công nghệ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.
4. **CDR 4:** Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế, khoa học quản lý và pháp luật kinh doanh vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

A.2. CDR chung của ngành Quản trị kinh doanh

5. **CDR 5:** Nắm vững từ đó mô tả được hệ thống quản trị của doanh nghiệp theo quy trình, theo lĩnh vực và chức năng.
6. **CDR 6:** Vận dụng được các kiến thức về quản trị, quản lý, kinh doanh vào việc ra quyết định và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn của tổ chức, doanh nghiệp/ tổ chức.

A.3. CDR riêng của chuyên ngành Quản trị marketing

7. **CDR 7:** Phân tích được các bước thực hiện nghiên cứu thị trường, hành vi người tiêu dùng, quy trình bán hàng, quy trình quản trị quan hệ khách hàng để xây dựng kế hoạch marketing cho doanh nghiệp.
8. **CDR 8:** Phân tích được các nguyên lý về quản trị tổ chức sự kiện, quản trị tài chính, quản trị dự án, marketing quốc tế, phát triển thương hiệu nhằm triển khai dự án marketing nội địa và quốc tế trong các loại hình doanh nghiệp.
9. **CDR 9:** Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về Digital Marketing, marketing nội dung, truyền thông đa phương tiện vào xây dựng kế hoạch Marketing trên nền tảng

số cho doanh nghiệp.

B/ Chuẩn về kỹ năng

10. **CDR 10:** Vận dụng các công cụ phân tích dữ liệu, nghiên cứu thị trường để phân tích các cấp độ của môi trường kinh doanh, và nội bộ doanh nghiệp, qua đó hỗ trợ/tự ra các quyết định quản trị marketing.

11. **CDR 11:** Sáng tạo và thiết kế các mô hình kinh doanh cho tổ chức và doanh nghiệp, mô hình đổi mới sáng tạo đặc biệt đề xuất dưới quan điểm marketing.

12. **CDR 12:** Sáng tạo và thiết kế được các dự án nghiên cứu thị trường, kế hoạch marketing mix, truyền thông tích hợp, phát triển thương hiệu, kế hoạch nhân sự, kinh doanh, chuỗi cung ứng trong các dự án marketing cho doanh nghiệp trong các tình huống cụ thể.

13. **CDR 13:** Làm chủ, thành thạo các công cụ truyền thông đa phương tiện dựa trên nền tảng truyền thống và nền tảng số, phần mềm marketing số, phần mềm quản trị khách hàng, bán hàng, nghiên cứu thị trường.

14. **CDR 14:** Có khả năng nghiên cứu, tư duy logic, nghệ thuật, sáng tạo, làm việc độc lập, làm việc nhóm, giao tiếp thành thạo bằng Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử thành thạo tin học văn phòng nhằm giải quyết vấn đề, hợp tác và kết nối doanh nghiệp với cộng đồng, xã hội.

C/ Chuẩn về năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp

15. **CDR 15:** Hiểu biết và tuân thủ pháp luật, có sức khỏe, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có năng lực dẫn dắt về chuyên môn thuộc lĩnh vực chuyên sâu về điều hành doanh nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc đa dạng, năng lực học tập suốt đời để nâng cao trình độ chuyên môn.

3. Ma trận liên kết giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT

CĐR của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT				
	<i>MT1</i>	<i>MT2</i>	<i>MT3</i>	<i>MT4</i>	<i>MT5</i>
<i>CĐR 1</i>	X				
<i>CĐR 2</i>	X				
<i>CĐR 3</i>	X				
<i>CĐR 4</i>	X		X		
<i>CĐR 5</i>			X		
<i>CĐR 6</i>			X		
<i>CĐR 7</i>			X		
<i>CĐR 8</i>		X	X		
<i>CĐR 9</i>		X	X		
<i>CĐR 10</i>		X	X		
<i>CĐR 11</i>	X		X	X	
<i>CĐR 12</i>	X		X	X	
<i>CĐR 13</i>			X	X	
<i>CĐR 14</i>			X	X	
<i>CĐR 15</i>			X		X

4. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	CHUẨN ĐẦU RA																		
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15				
1. Kiến thức giáo dục đại cương			41																			
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	3											x					x		
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	3											x					x		
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3			2									x					x		
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3		2										x					x		
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	3	2										x					x		
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			2									x					x		
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3		2										x					x		
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			2									x					x		
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3																	x	x	
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3																	x	x	
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3																	x	x	
12	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3																	x	x	
13	TOĐC06	Tin học đại cương	3			2														x		
14	TOCC05	Toán cao cấp	3	3											x							
15	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	3											x						x	
16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3	2										x						x	
17	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3																	x	x	
2. Giáo dục quốc phòng			8																			
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	3																		x
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2																			x
3. Giáo dục thể chất			6																			
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2																			x
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2																			x
4. Kiến thức Cơ sở ngành (Bắt buộc)			20																			
1	QTMC02	Marketing căn bản	3					2	3							x	x					x
2	TOKT05	Kinh tế lượng	3			2										x						x
3	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3					2							x	x						
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3					2								x						x
5	QTHO06	Quản trị học	2					2												x		x

6	CSCS11	Chính sách công	3		2		2						x	x				x
7	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3			2							x					x
5. Kiến thức Cơ sở ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)			9															
1	QTQH01	Quản trị quan hệ khách hàng	3					3	4							x		x
2	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	3			2		2					x					x
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3			2	2						x					x
4	QTTL01	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3			2	2	3					x					
5	QHĐL07	Địa lý kinh tế	3			2							x					x
6	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3					3					x					x
6. Kiến thức ngành (Bắt buộc)			9															
1	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3					2	3					x			x	x
2	QTMA09	Quản trị Marketing	3						3	4						x		x
3	QTCL01	Quản trị chiến lược	3						3		4					x		
4	QTNL03	Quản trị nhân lực	3				2									x		
5	QTSM01	Quản trị dịch vụ	3						3		4				x			
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2										x	x	x	x		x
7. Kiến thức ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)			20															
1	QTCC01	Quan hệ công chúng	3						3	3					x			x
2	QTTH01	Quản trị thương hiệu	3					3	4	4	4	5			x			
3	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3			2	2			4			x					
4	QTKD14	Thương mại điện tử	3			2	2			4					x			x
5	QTBA01	Marketing nội dung	3							4	4	4			x	x		x
6	TMQT11	Logistic cơ bản	3						3						x			
8. Kiến thức Chuyên ngành (Bắt buộc)			9															
1	QTDM01	Digital Marketing	3							3	3	5				x	x	
2	QTBH01	Quản trị bán hàng	3						3	4					x		x	x
3	QTTT01	Truyền thông marketing tích hợp	3							4	4	5			x	x	x	
4	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	3							4	4			x				x
5	QTMS01	Marketing dịch vụ	3								3	4					x	
9. Kiến thức Chuyên ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)			15															
1	QTQC01	Quản trị quảng cáo	3						3	4								x
2	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện	3					3		4	4					x		
3	ĐNMA05	Marketing quốc tế	3			2				3	4			x				
4	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	3					2	3	4	3			x				x

5	QTCB01	Hành vi người tiêu dùng	3					2	3	4	3					x		
6	QTMD01	Marketing du lịch	3						3		3					x		
10. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp			10															
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4				2	2	2	4	4	4		x	x	x	x	x
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6				3	3	3	4	4	4		x	x	x	x	x
3	QTTN01	Quản trị chiến lược 2	3						3	4	4			x		x		x
4	QTTN03	Digital Marketing 2	3						3	4		5		x	x	x	x	x
TỔNG SỐ (không bao gồm GDTC & GDQP, TACB1)			130															

Ghi chú: Các mức độ của thang Bloom:

(1) Nhớ (2) Hiểu (3) Vận dụng (4) Phân tích (5) Đánh giá (6) Sáng tạo

(*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

5. Thời gian đào tạo: 3,5 – 4 năm

6. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa là 130 tín chỉ, không kể 14 tín chỉ học phần giáo dục quốc phòng và thể chất và 3 tín chỉ TACB1, phát triển kỹ năng.

7. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy.

8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo và Quy chế đào tạo đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định của Học viện Chính sách và Phát triển.

9. Thang điểm

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện.

10. Cấu trúc kiến thức của Chương trình đào tạo

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC & QP)	41	16	31,5
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	89		68,5
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	29	10	22,3
<i>2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc</i>	<i>20</i>	<i>7</i>	<i>15,4</i>
<i>2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn</i>	<i>9</i>	<i>3</i>	<i>6,9</i>
2.2. Kiến thức ngành	26	9	20
<i>2.2.1. Ngành bắt buộc</i>	<i>17</i>	<i>6</i>	<i>13,1</i>
<i>2.2.2. Ngành tự chọn</i>	<i>9</i>	<i>3</i>	<i>6,9</i>
2.3. Kiến thức chuyên ngành	24	8	18,5
<i>2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc</i>	<i>15</i>	<i>5</i>	<i>11,6</i>
<i>2.3.2. Chuyên ngành tự chọn</i>	<i>9</i>	<i>3</i>	<i>6,9</i>
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	2	7,7
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)	130		100

11. Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị marketing

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
1. Kiến thức giáo dục đại cương			41	
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	1
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	2
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	5
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
12	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
13	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
14	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
15	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
17	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3	3
2	Giáo dục quốc phòng		8	
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	2
3	Giáo dục thể chất		6	
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2	1
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2	2
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	3
4	Kiến thức Cơ sở ngành (Bắt buộc)		20	
1	QTMC02	Marketing căn bản	3	2
2	TOKT05	Kinh tế lượng	3	3
3	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	3
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
5	QTHO06	Quản trị học	2	2
6	CSCS11	Chính sách công	3	4
7	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	4
5	Kiến thức Cơ sở ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9	
1	QTQH01	Quản trị quan hệ khách hàng	3	4
2	ĐNQTT11	Kinh doanh quốc tế	3	4
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	4
4	QTTL01	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3	4

5	QHDL07	Địa lý kinh tế	3	4
6	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	6
6	Kiến thức ngành (Bắt buộc)		17	
1	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	5
2	QTMA09	Quản trị Marketing	3	5
3	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	5
4	QTNL03	Quản trị nhân lực	3	5
5	QTSM01	Quản trị dịch vụ	3	6
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	5
7	Kiến thức ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9	
1	QTCC01	Quan hệ công chúng	3	4
2	QTTH01	Quản trị thương hiệu	3	5
3	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	6
4	QTKD14	Thương mại điện tử	3	5
5	QTBA01	Marketing nội dung	3	5
6	TMQT11	Logistic cơ bản	3	6
8	Kiến thức Chuyên ngành (Bắt buộc)		15	
1	QTDM01	Digital Marketing	3	4
2	QTBH01	Quản trị bán hàng	3	7
3	QTTT01	Truyền thông marketing tích hợp	3	7
4	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	3	6
5	QTMS01	Marketing dịch vụ	3	6
9	Kiến thức Chuyên ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ)		9	
1	QTQC01	Quản trị quảng cáo	3	6
2	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện	3	6
3	ĐNMA05	Marketing quốc tế	3	7
4	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	3	7
5	QTCB01	Hành vi người tiêu dùng	3	4
6	QTMD01	Marketing du lịch	3	5
10	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		10	
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	6	8
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	3	8
3	QTTN01	Quản trị chiến lược 2	3	8
4	QTTN03	Digital Marketing 2	4	8
TỔNG SỐ			130	

Ghi chú: () Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo*